

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11899/TTr-UBND

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Thực hiện Công văn số 360/HĐND-VP ngày 01/8/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về đề nghị xây dựng Nghị quyết theo Tờ trình số 7214/TTr-UBND ngày 20/7/2023;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ) quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: “*Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.*”

Vì vậy việc ban hành Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là cần thiết, là cơ sở pháp lý để các địa phương triển khai thực hiện và giải



- Thông tư số 02/2023/TT-UBDT ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Cụ thể hóa quy định tại khoản 5 Điều 21 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ) và hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương làm cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm có sự thống nhất, đồng bộ hiệu quả; công khai, minh bạch, công bằng cho các đối tượng tham gia thực hiện dự án, mô hình phát triển sản xuất.

Thực hiện hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, khai thác được tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; qua đó tạo sức lan tỏa, nhân rộng các dự án, mô hình có hiệu quả kinh tế cao, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS&MN) tỉnh Khánh Hòa.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Nghị quyết được xây dựng bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Nội dung nghị quyết không trái các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật cấp trên, phù hợp với điều kiện, thực tiễn của địa phương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, đối tượng của Chương trình.

- Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình

mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong việc thực hiện định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

V. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bước 1:

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Công văn số 629/BDT-NV ngày 13/7/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 7214/TTr-UBND ngày 20/7/2023 gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Bước 2:

Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 360/HĐND-VP ngày 01/8/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 7853/UBND-KT ngày 04/8/2023 giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp và các sở, ngành, đơn vị liên quan rà soát, chủ động triển khai việc xây dựng Nghị quyết theo ý kiến chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh tại công văn nêu trên; hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp gần nhất.

Ban Dân tộc xây dựng dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, Tờ trình của UBND tỉnh và gửi các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố lấy ý kiến góp ý các dự thảo.

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (thay thế các Thông tư: số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022, số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022, số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022) và Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022, Ban

Dân tộc rà soát, điều chỉnh dự thảo Nghị quyết và tiếp tục lấy ý kiến các sở, ban, ngành liên quan, các địa phương.

3. Bước 3:

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, thành viên của Tổ công tác chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Ban Dân tộc đã tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

VI. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Bố cục của Nghị quyết: Gồm có 06 điều.

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng và địa bàn áp dụng
- Điều 3. Mức hỗ trợ chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia
- Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện
- Điều 5. Tổ chức thực hiện
- Điều 6. Hiệu lực thi hành

3. Nội dung hỗ trợ cụ thể

a) Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường: Hiện tại, tỉnh Khánh Hòa chưa có quy định cụ thể mức chi cho nội dung trên. Vì vậy, đề xuất đưa vào để xây dựng Nghị quyết với mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng.

b) Hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi: Hiện tại, tỉnh Khánh Hòa chưa có quy định cụ thể mức chi cho nội dung trên. Vì vậy, đề xuất đưa vào để xây dựng Nghị quyết với mức hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/hộ thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ: Nội dung và mức chi thực hiện

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC. Riêng đối với khoản chi hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học tập trung tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

d) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý, chất lượng đồng bộ theo chuỗi: Hiện tại, tỉnh Khánh Hòa chưa có quy định cụ thể mức chi cho nội dung trên. Vì vậy, đề xuất đưa vào để xây dựng Nghị quyết với mức hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý, chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm: Chi thực tế theo quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán của Dự án được cấp có thẩm quyền giao.

e) Hỗ trợ các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hoá, dịch vụ: Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan.

g) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả; Chi tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

h) Chi xây dựng và quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

(Chi tiết được đính kèm theo Phụ lục thuyết minh cơ sở đề xuất các mức chi trong Dự thảo Nghị quyết)

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 thì ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện Chương trình. Vì vậy, dự kiến nguồn vốn sự nghiệp thực hiện nội dung

hỗ trợ phát triển sản xuất là **10,3 tỷ đồng/năm** (Trong đó: 8,8 tỷ đồng ngân sách trung ương hỗ trợ và 1,5 tỷ đồng ngân sách địa phương đối ứng).

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Nguồn vốn sự nghiệp dự kiến để thực hiện nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh là **02 tỷ đồng/năm**.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Nguồn vốn sự nghiệp dự kiến để thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất là **02 tỷ đồng/năm**.

VIII. THỜI GIAN DỰ KIẾN ĐỀ NGHỊ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XEM XÉT, THÔNG QUA

Tại Kỳ họp lần thứ 12 năm 2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận./.

(Đính kèm dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh)

Nơi nhận:

- Như trên;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - VP HĐND tỉnh;
 - VP UBND tỉnh;
 - Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
 - Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Ban Dân tộc;
 - Lưu: VT, TL, TLe.
- (THun-KT.11.2023)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuân

Nguyễn Tấn Tuân

Số: /2023/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ

trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Báo cáo thẩm tra số/BC-BDT ngày tháng năm 2023 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.
- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong việc thực hiện

định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Mức hỗ trợ chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Mức hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Nội dung hỗ trợ cụ thể

a) Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường; Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng.

b) Hỗ trợ 40% chi phí chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý, chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

c) Hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi tối đa không quá 40 triệu đồng/hộ thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia.

Đối với các nội dung hỗ trợ không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khoá VII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ pháp chế - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ pháp chế - Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- HĐND & UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Tm.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC

Thuyết minh cơ sở đề xuất các mức chi trong Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Công văn số /BDT-NV ngày /10/2023 của Ban Dân tộc)

TT	NỘI DUNG HỖ TRỢ	CƠ SỞ ĐỀ XUẤT
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	<p>Thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 7 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp:</p> <p><i>“Chú trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tới đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường”</i></p> <p>Hỗ trợ tới đa không quá 40 triệu đồng/hộ thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia. Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực trồng trọt: Hiện nay, đối với các cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh (đặc biệt là cây sầu riêng) trung bình kinh phí đầu tư cây giống cho 1000 m² khoảng 30 triệu đồng/hộ (chưa tính đến chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất). - Lĩnh vực chăn nuôi: Hiện nay, đối với các vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh (đặc biệt là bò) trung bình kinh phí đầu tư 01 hộ nuôi 02 con bò cái sinh sản hoặc 03 con bê khoảng từ 30 đến 35 triệu đồng/hộ (chưa tính chi phí làm chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y). - Ngoài ra, theo Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2020 thì đối với hộ nghèo được hỗ trợ một lần, tới đa 12 triệu đồng/hộ; hộ cận nghèo được hỗ trợ một lần, tới đa 10 triệu đồng/hộ để phát triển kinh tế hộ, thoát nghèo bền vững. Tuy nhiên cho đến nay, mô hình này vẫn chưa mang lại nhiều hiệu quả, giảm nghèo chưa bền vững, chưa toàn diện và tái nghèo còn cao. <p>Từ những lý do nêu trên, đề xuất mức hỗ trợ tới đa 40 triệu đồng/hộ là phù hợp để giúp cho người dân ổn định sinh kế vươn lên thoát nghèo thông qua việc có thu nhập tốt hơn và thoát nghèo bền vững.</p>
2	Hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ.	

- Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính:

“Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 36/2018/TT-BTC) được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC. Riêng chi xây dựng, biên soạn tài liệu trong một số trường hợp đặc thù thực hiện như sau:

- Chi xây dựng, biên soạn tài liệu phục vụ các lớp đào tạo bồi dưỡng, tập huấn có thời gian dưới 05 ngày:
 - + Tiền công viết tài liệu: 70.000 đồng/trang chuẩn (trang A4, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định hiện hành đối với văn bản hành chính);
 - + Tiền công sửa chữa, biên tập tổng thể: 40.000 đồng/trang chuẩn;
 - + Tiền công thẩm định và nhận xét: 30.000 đồng/trang chuẩn;

Trường hợp xây dựng, biên soạn tài liệu bằng tiếng dân tộc thiểu số, mức chi cao hơn 30% so với các mức chi nêu trên;

- Chi số hóa tài liệu trong trường hợp đào tạo, bồi dưỡng từ xa: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông”
- Riêng đối với khoản chi hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học tập trung tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của HĐND tỉnh:

“Thanh toán phụ cấp lưu trú:

- a) Phụ cấp lưu trú trong tỉnh (áp dụng đối với các trường hợp mà khoảng cách từ trụ sở cơ quan đến nơi công tác từ 10 km trở lên):
 - Đi công tác đến hai huyện miền núi (Khánh Sơn hoặc Khánh Vĩnh) và từ hai huyện miền núi đến các địa phương còn lại trong tỉnh: 100.000 đồng/ngày/người.
 - Đi công tác đến các địa phương còn lại: 80.000 đồng/ngày/người.
 - Đi công tác trên biển, đảo (kể cả từ biển đảo đi công tác về đất liền): 120.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo; trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định chế độ chi bồi dưỡng khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.
- b) Phụ cấp lưu trú ngoài tỉnh:
 - Đi công tác đến thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh:

Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

	<p>200.000 đồng/người/ngày.</p> <p>- Di công tác đến các địa phương còn lại: 150.000 đồng/người/ngày.</p> <p>- Di công tác trên biển, đảo (ngoài tỉnh và huyện Trường Sa): 250.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định chế độ chi bồi dưỡng khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.</p> <p>c) Di công tác trong ngày (đi và về trong ngày)</p> <p>Thu trường cơ quan, đơn vị quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Căn cứ theo số giờ thực tế đi công tác trong ngày, theo thời gian phải làm ngoài giờ hành chính (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác. Mức phụ cấp không được vượt quá mức phụ cấp lưu trú quy định cho phụ cấp lưu trú trong tỉnh và phụ cấp lưu trú ngoài tỉnh và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ”</p>
<p>4</p> <p>Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý, chất lượng đồng bộ theo chuỗi.</p>	<p>Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ:</p> <p>“Ngân sách hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi”.</p> <p>Vì vậy, để khuyến khích các đối tượng tham gia phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có điều kiện ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, UBND tỉnh đề xuất quy định mức hỗ trợ tối đa.</p>
<p>5</p> <p>Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.</p>	<p>Chi thực tế theo quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán của Dự án được cấp có thẩm quyền giao. Lý do: Trong Dự án, Kế hoạch liên kết thì Chủ thể liên kết và đối tượng thụ hưởng tùy theo sản phẩm tiêu thụ của liên kết mà đưa ra các đề xuất hỗ trợ cho phù hợp. Nội dung hỗ trợ liên kết sẽ rất rộng và được quy định theo các Nghị định, Thông tư hiện hành của các Bộ, ngành Trung ương. Vì vậy, khi thẩm định Dự án, Kế hoạch liên kết để hỗ trợ, các đơn vị căn cứ chức năng và nhiệm vụ sẽ có góp ý cụ thể cho phù hợp thực tế tại tỉnh Khánh Hòa.</p>
<p>6</p> <p>Hỗ trợ các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hoá, dịch vụ.</p>	<p>Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan:</p> <p>“Điều 11. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình Xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu</p> <p>1. Chi hỗ trợ tuyên truyền xuất khẩu: Nhà nước hỗ trợ chi phí quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài truyền hình... trên địa bàn tỉnh nhằm nhập thị trường</p>

nước ngoài như sau:

- Đối với đơn vị chủ trì (Sở Công Thương, Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại, Liên minh Hợp tác xã) hỗ trợ 100% chi phí.

- Đối với các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp và các đơn vị khác ... hỗ trợ 70% chi phí.

2. Tổ chức hội thảo hoặc thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài đối với sản phẩm của tỉnh": Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí thuê giảng viên, thuê và trang trí hội trường, in ấn tài liệu, nước uống, chi phí phiên dịch, biên dịch (nếu có), các chi phí quản lý khác có liên quan.

3. Chi hỗ trợ tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại tại nước ngoài:

a) Đối với Đơn vị chủ trì: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có);

- Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam): Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả;

- Trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch;

- Công tác phi cho cán bộ tổ chức Chương trình;

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

b) Đối với cơ sở sản xuất, doanh nghiệp có sản phẩm được sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh tham gia: Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng. Mức hỗ trợ tối đa cho mỗi doanh nghiệp tham gia không quá 02 gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) hoặc đất trống không quá 16 triệu đồng/doanh nghiệp.

4. Tổ chức đoàn doanh nghiệp của tỉnh khảo sát thị trường, giao dịch thương mại ở nước ngoài:

a) Đối với đơn vị chủ trì: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí vé xe, vé máy bay (nếu đi nước ngoài), chi phí tổ chức hội thảo và gặp gỡ giao dịch thương mại chi phí tuyên truyền, quảng bá; công tác phi cho cán bộ của Đoàn chủ trì (bao gồm cán bộ cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình nhưng không quá 03 người).

b) Đối với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tham gia: Nhà nước hỗ trợ 50% tiền vé đi lại cho 01 người/doanh nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không quá 6.000.000 đồng/đơn vị tham gia.

Điều 12. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình Xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Tổ chức hội chợ - triển lãm tổng hợp do các tổ chức có chức năng xúc tiến thương mại tổ chức trên địa bàn tỉnh: về nguyên tắc, Đơn vị chủ trì tổ chức Hội chợ thực hiện theo chủ trương xã hội hóa (lấy thu bù chi), Nhà nước chỉ hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp có sản phẩm được sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm.

2. Tham gia hội chợ, triển lãm trong tỉnh, ngoài tỉnh:

a) Đối với Đơn vị chủ trì: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng triển lãm chung, chi phí trang trí, chi phí vận chuyển, chi phí bảo vệ, công tác phí cho cán bộ của Đoàn chủ trì (bao gồm cả bộ cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình nhưng không quá 04 người); tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (nếu có).

b) Đối với cơ sở sản xuất, doanh nghiệp có sản phẩm được sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh tham gia: Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng. Mức hỗ trợ tối đa cho mỗi doanh nghiệp tham gia không quá 02 gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) hoặc đất trống và không quá 8.000.000 đồng/doanh nghiệp.

3. Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua các doanh nghiệp:

a) Đối với đơn vị chủ trì: Nhà nước hỗ trợ 100% các chi phí tổ chức thực hiện chương trình, gồm các khoản chi phí:

- Chi phí thuê mặt bằng, dân dụng quây hàng;
- Dịch vụ phục vụ: điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;
- Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;
- Tổ chức khai mạc: giấy mời, đơn tiếp, trang trí, văn nghệ, âm thanh, ánh sáng;
- Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;
- Chi phí tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng;
- Các khoản chi phí hợp lý khác;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này không quá 60.000.000 đồng/đợt bán hàng.

b) Đối với các đơn vị tham gia: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí vận chuyển hàng hóa và trang thiết bị. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2.000.000 đồng/doanh nghiệp/đợt bán hàng.

4. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong tỉnh:
Đơn vị chủ trì được Nhà nước hỗ trợ 100% các chi phí tổ chức thực hiện chương trình. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50.000.000 đồng/sự kiện.

5. Tổ chức đoàn doanh nghiệp của tỉnh khảo sát thị trường, giao dịch thương mại ở trong nước:

a) Đối với đơn vị chủ trì: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí vé xe, vé máy bay (nếu đi nước ngoài), chi phí tổ chức hội thảo và gặp gỡ giao dịch thương mại; chi phí tuyên truyền, quảng bá; công tác phí cho cán bộ của Đoàn chủ trì (bao gồm cả bộ cơ quan quản lý nhà

nước về Chương trình nhưng không quá 03 người).

b) Đối với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tham gia: Nhà nước hỗ trợ 50% tiền vé đi lại cho 01 người/doanh nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không quá 6.000.000 đồng/đơn vị tham gia.

6. Tổ chức tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực và kỹ năng kinh doanh cho các doanh nghiệp của tỉnh: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí thuê giảng viên, thuê và trang trí hội trường, in ấn tài liệu, nước uống, các chi phí quản lý khác liên quan.

7. Tổ chức hội thảo hoặc thuê chuyên gia trong nước, ngoài nước tư vấn tiêu thụ sản phẩm của tỉnh: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí thuê giảng viên, thuê và trang trí hội trường, in ấn tài liệu, nước uống, chi phí phiên dịch, biên dịch (nếu có), các chi phí quản lý khác có liên quan.

8. Nhà nước hỗ trợ cho Đơn vị chủ trì 100% chi phí quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài truyền hình, website, in ấn tài liệu giới thiệu sản phẩm... nhằm hỗ trợ sản phẩm được sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh.

9. Xây dựng và ứng dụng quy trình thương mại điện tử cho cộng đồng các doanh nghiệp của tỉnh: Nhà nước hỗ trợ Đơn vị chủ trì 100% chi phí tổ chức xây dựng quy trình và vận động triển khai.

10. Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí cho công tác điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại; quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại (khảo sát mạng lưới thương mại, chuyển đổi mô hình quản lý chợ...)

Điều 13. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình Xúc tiến thương mại miền núi và hải đảo

1. Tổ chức phiên chợ hàng Việt từ khu vực sản xuất đến miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Chi phí vận chuyển;
- Chi phí thuê mặt bằng, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh;
- Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa;
- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 80 triệu đồng/1 phiên. Riêng đối với phiên chợ đưa hàng Việt ra hải đảo mức hỗ trợ tối đa là 120 triệu đồng/1 phiên.

2. Chi hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực cho thương nhân tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo: Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, các chủ nhiệm hợp tác xã và thương nhân miền núi và hải đảo về công tác quản lý chợ tổ chức mua bán tiêu thụ sản phẩm vùng biên giới, miền núi và hải đảo và tổ chức thực hiện các chính sách của Nhà nước.

	<p>3. Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản cho miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo: Hỗ trợ 100% các chi phí:</p> <p>a) Chi phí thiết kế xây dựng nội dung chiến lược truyền thông;</p> <p>b) Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành.</p> <p>Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 50 triệu đồng/1 chuyên đề tuyên truyền. ”</p>
<p>II</p> <p>Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng</p>	<p>Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC:</p> <p>“Chi hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù:</p> <p>a) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả;</p> <p>b) Chế độ công tác phi cho cán bộ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ;</p> <p>- Hỗ trợ cho cán bộ (ngoài tiền công tác phí theo chế độ quy định): Tối đa 50.000 đồng/người/buổi thực địa;</p> <p>b) Chi tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thu trường đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao;</p> <p>- Chi công tác phí cho cán bộ, thuế xe, tiền ăn, tiền thuê phòng ngủ (nếu có): Mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ;</p> <p>- Chi tiền công cho báo cáo viên: Mức chi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC. ”</p>
<p>III</p> <p>Chi xây dựng và quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng</p>	<p>Thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính:</p> <p>“Chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện như sau:</p> <p>a) Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá, thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung, mức chi cụ thể như sau:</p> <p>- Chi lắp và xây dựng, họp hội đồng thẩm định lựa chọn dự án, mô hình: Nội dung và mức</p>

chi thực hiện theo quy định tại các Điều 2, 3, 4, 5 và 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC;

- Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện, đối tượng tham gia dự án, mô hình:
Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ;

b) Chi triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC .

c) Chi khác về quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (nếu có): Mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và theo thực tế phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình quyết định.”

PHỤ LỤC TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý
Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, chương án, nhiệm vụ phát triển
sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Công văn số 935/BDT-NV ngày 29/9/2023 của Ban Dân tộc)

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành	Ý kiến của Ban Dân tộc
01	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<p>Tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022: đối với các dự án, kế hoạch do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh triển khai thực hiện, UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ đối với dự án, kế hoạch liên kết mà phạm vi liên kết nằm trên địa bàn 02 huyện, thành phố trở lên. Vậy nếu dự án, kế hoạch liên kết do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh triển khai nhưng chỉ trên địa bàn 01 đơn vị cấp huyện thì cấp nào phê duyệt, đề nghị bổ sung làm rõ.</p>	<p>Theo điểm b khoản 2 Điều 19 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định: "UBND cấp tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư các dự án gắn với sản phẩm chủ lực, đặc trưng và dự án, kế hoạch có hoạt động sản xuất trong phạm vi liên huyện.". Như vậy, chỉ các dự án, kế hoạch liên kết có gắn với sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh nếu nằm trên địa bàn 01 đơn vị cấp huyện thì UBND tỉnh phê duyệt.</p>
02	Sở Khoa học và Công nghệ	<p>Cơ quan, tổ chức thẩm định mức hỗ trợ 01 dự án, kế hoạch liên kết: Nội dung thẩm định của Hội đồng thẩm định quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND là thẩm định nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP và sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết. Tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP chỉ có nội dung về điều kiện hỗ trợ. Do đó, đề nghị bổ sung làm rõ cơ quan, tổ chức nào thẩm định mức hỗ trợ 01 dự án, kế hoạch liên kết để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	<p>Nội dung của dự thảo Nghị quyết chỉ quy định mức chi ngân sách nhà nước để hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết chứ không quy định cụ thể mức hỗ trợ cho 01 dự án. Vì vậy, Hội đồng thẩm định sẽ thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP và sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.</p>
		<p>Nội dung tại gạch đầu dòng thứ 6, điểm b, Khoản 1, Điều 3 dự thảo Nghị quyết: "... + Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt..." đề nghị điều chỉnh thành "... + Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp theo nội dung, mức chi tại Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND tỉnh ngày 15/11/2022.".</p>	<p>Đối với nội dung hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp, Ban Dân tộc tiếp thu và điều chỉnh. Riêng nội dung hỗ trợ xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, do Sở Khoa học và Công nghệ không có ý kiến nên Ban Dân tộc giữ nguyên như dự thảo là "Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt".</p>

03	Sở Tài chính	<p>- Đề nghị thuyết minh cơ sở tính toán, đề xuất các mức hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó lưu ý các mức hỗ trợ không vượt quá phần kinh phí ngân sách đã bố trí hàng năm.</p> <p>- Đề nghị bổ sung:</p> <p>+ Tại khoản 1 về hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: “a) Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước: Tổng mức chi phí các nội dung hỗ trợ tại điểm b khoản 1 Điều này cho (01) dự án, kế hoạch liên kết: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.</p> <p>b) Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể cho (01) dự án, kế hoạch liên kết: ...”</p> <p>+ Tại khoản 2 về hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:</p> <p>“a) Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước: Tổng mức chi phí các nội dung hỗ trợ tại điểm b khoản 2 Điều này cho (01) dự án: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.</p> <p>b) Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể cho (01) dự án: ...”</p>
04	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tỉnh	<p>Giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Để thực hiện 01 dự án cần hỗ trợ nhiều nội dung, nội dung “Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ sản xuất” chỉ là một trong những nội dung để thực hiện. Việc đưa tỷ lệ hỗ trợ không quá 40% để hỗ trợ nội dung trên, theo Ban Dân tộc là phù hợp, 60% còn lại để</p>

		<p>hỗ trợ là hộ nghèo, cận nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, việc đảm bảo đủ 60% vốn đối ứng trong dự án được hỗ trợ là rất khó thực hiện.</p> <p>- Phần “Mục đích” trang 3, dự thảo Tờ trình UBND tỉnh: Đề nghị điều chỉnh nội dung “Cụ thể hóa quy định tại khoản 5 Điều 21 và khoản 5 Điều 22 Nghị định 38/2023/NĐ-CP” lại thành “Cụ thể hóa quy định tại điểm 5 khoản 12 Điều 1 và điểm 5 khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP”.</p>	<p>Thực hiện hỗ trợ các nội dung khác của dự án.</p>
05	<p>UBND huyện Khánh Vĩnh</p>	<p>- Đề nghị xem xét và có mức hỗ trợ phù hợp đối với các đối tượng còn lại ngoài đối tượng được hỗ trợ theo điểm 5 khoản 11 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP và thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi đề động viên và khuyến khích các đối tượng khi tham gia dự án, kế hoạch, phương án, mô hình.</p>	<p>Theo điểm 5 khoản 11 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP chỉ quy định về tỷ lệ phần trăm tham gia của các đối tượng đầu tư của chương trình, không quy định các đối tượng còn lại thì không được hỗ trợ. Tuy nhiên, các đối tượng khác cùng tham gia và thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi nếu nằm trong đối tượng thụ hưởng theo điểm b khoản 3 Mục III chương trình kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì vẫn được hỗ trợ.</p>
06	<p>Sở Văn hóa và Thể thao</p>	<p>Không thuộc nhiệm vụ, phạm vi quản lý ngành của Sở nên không có ý kiến</p>	
07	<p>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</p>	<p>Thống nhất dự thảo</p>	
08	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>Thống nhất dự thảo</p>	
09	<p>Sở Y tế</p>	<p>Thống nhất dự thảo</p>	
10	<p>Sở Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Thống nhất dự thảo</p>	
11	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>Thống nhất dự thảo</p>	

12	Sở Công thương	Thông nhất dự thảo	
13	Sở Tư pháp	Không có văn bản góp ý	
14	Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	Không có văn bản góp ý	
15	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Không có văn bản góp ý	
16	Hội Nông dân tỉnh	Thông nhất dự thảo	
17	Đoàn TNCSHCM tỉnh	Thông nhất dự thảo	
18	UBND huyện Khánh Sơn	Thông nhất dự thảo	
19	UBND huyện Diên Khánh	Thông nhất dự thảo	
20	UBND thị xã Ninh Hòa	Thông nhất dự thảo	
21	UBND huyện Cam Lâm	Thông nhất dự thảo	
22	UBND thành phố Cam Ranh	Thông nhất dự thảo	

PHỤ LỤC TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, chương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Công văn số 935/BDT-NV ngày 29/9/2023 của Ban Dân tộc)

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành	Ý kiến của Ban Dân tộc	Ghi chú
01	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<p>Rà soát các nội dung tại điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định 27/2022/NĐ-CP (trừ định mức chi ngân sách nhà nước) đã tham mưu ban hành hay chưa; nếu đã ban hành thì bỏ sung giải trình trong dự thảo Tờ trình; nếu chưa ban hành thì bỏ sung vào dự thảo Nghị quyết để đảm bảo sau khi Nghị quyết được ban hành thì các huyện triển khai được ngay.</p> <p>Đối với dự án liên kết theo chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, cần có sự thống nhất với Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ áp dụng định mức chi ngân sách nhà nước, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn chung cho 03 Chương trình hay thực hiện theo các Nghị quyết của tỉnh triển khai Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp mà Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu ban hành trước đây, để hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.</p>	<p>Đối với Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, chương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022.</p> <p>Ngày 08/9/2023, Ban Dân tộc đã mời Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự họp để bàn bạc, thảo luận và thống nhất các nội dung có liên quan dự thảo Nghị quyết. Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì cho đến thời điểm hiện tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết nào liên quan đến Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018. Chính vì vậy, 03 đơn vị đầu thống nhất xây dựng định mức chi ngân sách nhà nước chung để áp dụng cho 03 Chương trình.</p>	
02	Sở Khoa học và Công nghệ	<p>- Đối với nội dung hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm: Trong phạm vi chức năng của mình, Sở KHHCN nhận thấy các chỉ tiêu về ATTP rất rộng, chi phí phân tích một số chỉ tiêu rất cao, nếu không quy định rõ phạm vi hỗ trợ thì chi phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sẽ rất lớn. Vì vậy, đề nghị điều chỉnh nội dung này thành: Hỗ trợ chi phí</p>	<p>Đã tiếp thu và điều chỉnh. Tuy nhiên, không quy định chi tiết nội dung hỗ trợ, lý do: Trong Dự án, Kế hoạch liên kết thì Chủ thể liên kết và đối tượng thụ hưởng tùy theo sản phẩm tiêu thụ của liên kết mà đưa ra các đề xuất hỗ trợ cho phù hợp. Nội dung hỗ trợ liên kết sẽ rất rộng và được quy định theo các Nghị định, Thông tư hiện hành của các Bộ, ngành Trung ương. Vì vậy, khi</p>	

	<p><i>thử nghiệm/chứng nhận/kiểm nghiệm an toàn thực phẩm phục vụ cho việc chứng nhận (hợp chuẩn, hợp quy), công bố sản phẩm theo các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý an toàn thực phẩm.</i></p> <p>- Đối với hồ trợ chi phí truy xuất nguồn gốc (TXNG): Tương tự như trên, cần quy định rõ phạm vi hồ trợ, phù hợp với việc tạo nền tảng quản lý hoạt động TXNG và phục vụ xuất khẩu, phù hợp với việc chuyển đổi số trong TXNG. Vì vậy đề nghị điều chỉnh nội dung này thành: Hồ trợ áp dụng các nội dung làm nền tảng cho việc TXNG (như hồ trợ áp dụng Mã số mã vạch, mã QR code, Mã số vùng trồng, Mã số cơ sở đóng gói...); hồ trợ xây dựng, áp dụng các giải pháp TXNG điện tử.</p> <p>- Đối với hồ trợ chi phí dán nhãn sản phẩm: Việc ghi nhãn hàng hóa cho sản phẩm hàng hóa là bắt buộc, do đó không nên hồ trợ chi phí dán nhãn sản phẩm. Vì vậy, đề nghị điều chỉnh nội dung này thành: Hồ trợ cho việc xây dựng nhãn hiệu hàng hóa; hồ trợ chi phí thiết kế, in ấn nhãn sản phẩm hàng hóa.</p>	<p>thẩm định Dự án, Kế hoạch liên kết để hỗ trợ, các đơn vị căn cứ chức năng và nhiệm vụ sẽ có góp ý cụ thể cho phù hợp thực tế tại tỉnh Khánh Hòa.</p>
03	Sở Tài chính	<p>Đã tiếp thu và điều chỉnh</p>

		<p>Tại dự thảo Tờ trình, Sở Tài chính đề nghị Ban Dân tộc bổ sung 01 mục về dự kiến nguồn lực thực hiện, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua.</p> <p>Tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết: Về nội dung và mức chi, Ban Dân tộc dân chiếu thực hiện theo các điểm, khoản, điều của các văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời có nội dung hoạt động, quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tại dự thảo Nghị quyết thực hiện theo quy định Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh là chưa phù hợp. Do đó, Sở Tài chính đề nghị Ban Dân tộc rà soát cơ sở pháp lý hiện hành xây dựng nội dung và mức chi cụ thể.</p>	<p>Đã tiếp thu và điều chỉnh</p>	
04	Sở Công thương	<p>Tại số thứ 6 Mục I. Phụ lục thuyết minh và điểm f khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, đề nghị bổ sung, chỉnh sửa như sau: “Cơ sở đề xuất: Thực hiện điểm b khoản 3 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ: <u>Các hoạt động quảng bá sản phẩm mở rộng các kênh phân phối</u> thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Quyết định số 17/2015/QĐUBND ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan”.</p>	<p>Giữ nguyên như dự thảo, lý do: Quyết định số 1719/QĐ-TTg chỉ áp dụng thực hiện cho Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN. Tuy nhiên, đây là nội dung áp dụng thực hiện cho cả 03 Chương trình MTQG nên cần thực hiện đúng các nội dung được quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p>	
05	UBND huyện Diên Khánh	<p>Đề đảm bảo thông nhất trong việc xây dựng dự án, kế hoạch liên kết và hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án, kế hoạch; UBND huyện Diên Khánh kiến nghị Ban Dân tộc nghiên cứu, bổ sung tỉ lệ hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc</p>	<p>Giữ nguyên như dự thảo, lý do: Việc quy định tỷ lệ đã được quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 21, khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Vì vậy, không cần phải quy định tỷ lệ đối với nội dung này nữa.</p>	

		thứ y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ (theo điểm b, khoản 1, Điều 4 dự thảo Nghị quyết).		
06	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Thống nhất dự thảo		
07	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thống nhất dự thảo		
08	Sở Thông tin và Truyền thông	Thống nhất dự thảo		
09	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thống nhất dự thảo		
10	Sở Y tế	Chưa gửi văn bản góp ý		
11	Sở Tư pháp	Chưa gửi văn bản góp ý		
12	Sở Văn hóa và Thể thao	Chưa gửi văn bản góp ý		
13	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tỉnh	Chưa gửi văn bản góp ý		
14	Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	Không có ý kiến		
15	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Chưa gửi văn bản góp ý		
16	Hội Nông dân tỉnh	Thống nhất dự thảo		

17	Đoàn TNCSHCM tỉnh	Chưa gửi văn bản góp ý	
18	UBND huyện Khánh Sơn	Thông nhất dự thảo	
19	UBND huyện Khánh Vĩnh	Thông nhất dự thảo	
20	UBND huyện Cam Lâm	Thông nhất dự thảo	
21	UBND thị xã Ninh Hòa	Chưa gửi văn bản góp ý	
22	UBND thành phố Cam Ranh	Chưa gửi văn bản góp ý	

* Lưu ý: Ngày 12/9/2023, Ban Dân tộc đã có Công văn số 863/BDT-NV về việc góp ý Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, chương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (lần 2). Trong đó có nêu: “Nếu quá thời gian trên, các sở, ngành, địa phương nào không gửi văn bản góp ý thì Ban Dân tộc coi như thống nhất với Dự thảo”. Vì vậy, đối với các đơn vị tinh đến thời điểm tổng hợp chưa có văn bản gửi về Ban Dân tộc tổng hợp thì xem như đã thống nhất với các nội dung trong các Dự thảo.

PHỤ LỤC TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý LẦN 3

Dự thảo Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Công văn số 935/BDT-NV ngày 29/9/2023 của Ban Dân tộc)

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành	Ý kiến của Ban Dân tộc	Ghi chú
01	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh, nội dung thẩm định của Hội đồng thẩm định bao gồm: điều kiện hỗ trợ (quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP) và sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết. Vậy cơ quan, tổ chức nào sẽ tham mưu UBND tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho 1 hộ và căn cứ nào để xác định mức hỗ trợ cụ thể đó. Các nội dung này cần được bổ sung vào dự thảo Tờ trình.	Ngày 25/8/2023, Ban Dân tộc đã có Công văn số 821/BDT-NV trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định ủy quyền thành lập Hội đồng thẩm định các dự án, kế hoạch liên kết cho các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trong đó đã quy định cụ thể nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định.	
02	Sở Khoa học và Công nghệ	Không có văn bản góp ý		
03	Sở Tài chính	Không có văn bản góp ý		
04	Sở Công thương	Không có văn bản góp ý		
05	UBND huyện Diên Khánh	Không có văn bản góp ý		

PHỤ LỤC TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý LẦN 4
Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển
sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Công văn số /BDT-NV ngày /9/2023 của Ban Dân tộc)

TT	Đơn vị	Ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành	Ý kiến của Ban Dân tộc	Ghi chú
01	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Một số nội dung dự thảo Nghị quyết chưa thống nhất với ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp như về định mức hỗ trợ cụ thể, nội dung hỗ trợ... nhưng chưa được thuyết minh làm rõ; do đó, đề nghị bổ sung bảng giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.	Tiếp thu và bổ sung	
02	Sở Tài chính	Thống nhất dự thảo		
03	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất dự thảo		
04	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Thống nhất dự thảo		
05	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thống nhất dự thảo		
06	Sở Tư pháp	Không có văn bản góp ý		
07	Sở Công thương	Không có văn bản góp ý		
08	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tỉnh	Thống nhất dự thảo		
09	Hội Nông dân tỉnh	Không có văn bản góp ý		
10	Đoàn TNCSHCM tỉnh	Thống nhất dự thảo		

11	UBND huyện Khánh Sơn	Thông nhất dự thảo	
12	UBND huyện Khánh Vĩnh	Thông nhất dự thảo	
13	UBND huyện Cam Lâm	Thông nhất dự thảo	
14	UBND huyện Diên Khánh	Không có văn bản góp ý	
15	UBND thị xã Ninh Hòa	Thông nhất dự thảo	
16	UBND thành phố Cam Ranh	Thông nhất dự thảo	

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Xét hồ sơ đề nghị thẩm định của Ban Dân tộc tại công văn số 935/BDT-NV ngày 29/9/2023 đối với dự thảo Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; và đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành; Sở Tư pháp có ý kiến về vấn đề này như sau:

1. Tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật

Tại điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định trách nhiệm tỉnh UBND cấp tỉnh là: xây dựng và trình HĐND cấp tỉnh quyết định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Như vậy, việc Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các Sở, các cơ quan, đơn vị (trong đó có: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội) giúp UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là nhằm quy định chi tiết điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) thuộc trường hợp ban hành nghị quyết theo khoản 1 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Tư pháp nhận thấy: việc ban hành Nghị quyết nêu trên là có căn cứ pháp lý và đảm bảo sự phù hợp, thống nhất của hệ thống pháp luật hiện hành.

2. Về trình tự, thủ tục xây dựng nghị quyết

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; Ban Dân tộc đã tham mưu UBND tỉnh có Tờ trình số 7214/TTr-UBND ngày 20/7/2023 trình Thường trực HĐND tỉnh về đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo trình tự, thủ tục rút

gọn và được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại văn bản số 360/HĐND-VP ngày 01/8/2023.

- Sau khi UBND tỉnh có công văn số 7853/UBND-KT ngày 04/8/2023 giao Ban Dân tộc chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết; Ban Dân tộc (cơ quan chủ trì) đã soạn thảo nghị quyết và có các văn bản gửi sở, ban, ngành và UBND cấp huyện xin ý kiến góp ý lần I, lần II, lần III (gồm: công văn 755/BDT-NV ngày 08/8/2023, công văn số 863/BDT-NV ngày 12/9/2023, công văn số 915/BDT-NV ngày 27/9/2023). Theo đó, các đơn vị, địa phương đã cho ý kiến góp ý.

* Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ đề nghị thẩm định, nhận thấy: cơ quan soạn thảo chưa tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý các nội dung quan trọng về: **nội dung và mức chi, nguồn lực thực hiện** mà Sở Tài chính tham gia, góp ý đối với dự thảo lần III (tại văn bản số 4306/STC-TCHCSN ngày 27/9/2023).

Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cần chú ý, quan tâm các nội dung tham gia, góp ý của Sở Tài chính tại văn bản số 4306/STC-TCHCSN ngày 27/9/2023 nêu trên để dự thảo quy định đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ, nhất là quy định được triển khai đảm bảo tính khả thi và hoàn thiện hồ sơ trước khi chuyển Sở Tư pháp thẩm định.

3. Đối với dự thảo nghị quyết

3.1 Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản

Đề nghị cơ quan soạn thảo chú ý thực hiện đúng quy định các nội dung sau:

- Tại căn cứ thứ 5: Không viết hoa từ “ngân sách” tại tên gọi của “Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015” (để đảm bảo chính xác tên gọi của văn bản Luật (đã được đăng Công báo)).

- Điều 1 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2023/TT-BLĐTBXH ngày 12/4/2023. Do đó, ngay bên dưới Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung căn cứ:

“*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*”

- Từ căn cứ thứ 7 - 14:

+ Bổ các nội dung chú thích (*Viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; ...; Viết tắt là Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT*) ở cuối mỗi dòng căn cứ (vì việc viết tắt số ký hiệu văn bản chỉ sử dụng khi viện dẫn văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 43/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

- Đoạn cuối của phần căn cứ: bỏ đoạn “*Tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo .../BC-UBND ngày tháng năm 2023*” (Theo Mẫu số 16 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

3.2 Về nội dung dự thảo nghị quyết

- Điều 1:

Để xây dựng nội dung Điều 1, ngoài việc căn cứ vào tên gọi của nghị quyết; cơ quan soạn thảo **có thể** trình bày cụ thể, rõ ràng hơn như sau:

“*Nghị quyết này quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, bao gồm:*

- *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.*

- *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.*

- *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.*”.

- Điều 2:

Đề nghị chỉnh sửa tên gọi và nội dung điều này như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong việc thực hiện định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.

- Điều 3, Điều 4, Điều 5:

Theo điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, **HĐND tỉnh có trách nhiệm quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ** thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, **HĐND tỉnh không được giao quy định về nội dung hỗ trợ**. Do đó, cơ quan soạn thảo lưu ý:

+ Chỉ đưa vào dự thảo những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản đã được quy định tại Điều 1.

+ Đảm bảo thể hiện đúng (không chỉnh sửa, bổ sung) các nội dung hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 được quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

+ Đối với các nội dung đã có **quy định cụ thể** từ các văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng theo những văn bản đó, không cần thiết đưa vào dự thảo.

Từ những nội dung nêu trên; đề nghị điều chỉnh cụ thể như sau:

- Điều 3:

+ Tên gọi Điều 3: bỏ cụm từ “*phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước*”, vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; theo đó, có thể chỉnh sửa thành:

“Điều 3. Mức hỗ trợ chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia”.

+ Về nội dung:

Cơ quan soạn thảo đã **không quy định cụ thể mức hỗ trợ** chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ (gọi chung là dự án) mà viện dẫn đến khoản 5 Điều 21, khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, khoản 12, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Trong khi đó, theo nội dung khoản 12, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, **Chính phủ giao HĐND cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ tối đa chi phí thực hiện một dự án.**

Như vậy, cơ quan soạn thảo chưa tham mưu thực hiện triệt để nhiệm vụ của HĐND tỉnh được Chính phủ giao, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể nội dung này.

- Điều 4:

+ Tên gọi Điều 4: Theo phạm vi điều chỉnh của nghị quyết, nghị quyết không quy định nội dung hỗ trợ mà chỉ được quy định mức hỗ trợ (mức hỗ trợ) nên tên gọi của điều chưa phù hợp, đề nghị chỉnh sửa lại.

+ Khoản 1:

. Theo ý kiến ở phần trên, dự thảo chỉ được quy định mức hỗ trợ (mức hỗ trợ) trên cơ sở các nội dung hỗ trợ đã có của trung ương nên Quý cơ quan **chú ý không chỉnh sửa, bổ sung làm sai lệch các nội dung hỗ trợ** thực hiện dự án đã **được quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP**, nội dung hỗ trợ **đã được quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 4 Quy định nội dung hỗ trợ**, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa kèm theo **Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh** và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

. Điểm a, điểm d:

Tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP Chính phủ giao HĐND tỉnh cụ thể hóa các mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8, điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, nhiệm vụ này đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp UBND tỉnh xây dựng nghị quyết đề quy định chi tiết (*Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2023 - 2025*).

Hiện nay, nghị quyết này **đang xin chủ trương** của Thường trực HĐND tỉnh dùng xây dựng và giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tích hợp nội dung quy định chi tiết các điều khoản nói trên vào dự thảo nghị quyết.

Như vậy, quy định mức hỗ trợ dẫn chiếu đến khoản 1 Điều 7 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP tại **điểm a dự thảo**, dẫn chiếu đến điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP tại **điểm d dự thảo** là những quy định chưa cụ thể, vì chưa thực hiện triệt để nhiệm vụ được giao Chính phủ giao quy định chi tiết cũng như chưa tích hợp nội dung quy định chi tiết về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp mà trước đây Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu **xây dựng lại các nội dung này**.

. Điểm c:

+ Dự thảo quy định mức hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất dẫn chiếu đến điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC; điểm này tiếp tục dẫn chiếu đến các Thông tư của Bộ Tài chính (*Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC, khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BTC*).

Đây không phải là những nội dung cụ thể do HĐND tỉnh quy định mà là quy định của Bộ Tài chính. Do đó, đề nghị: Đối với nội dung hỗ trợ được thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành (*Thông tư, Nghị quyết của HĐND tỉnh*), cơ quan soạn thảo **không đưa vào nội dung nghị quyết**; đồng thời giải trình rõ việc áp dụng mức chi hỗ trợ tại dự thảo tờ trình của UBND tỉnh.

+ Bỏ quy định về nguồn kinh phí thực hiện, vì không phù hợp với phạm vi quy định của điều.

+ Khoản 2:

Tương tự như các nội dung đã có các ý kiến thẩm định ở phần trên. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát chỉnh sửa lại cho phù hợp.

Vì đây là Nghị quyết quy định về chế độ hỗ trợ; do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung một điều quy định về nguồn kinh phí thực hiện nghị quyết, cụ thể là: **“Điều ... Nguồn kinh phí thực hiện”**

Đồng thời, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Sở Tài chính tại công văn số 4306/STC-TCHCSN ngày 27/9/2023 như đã ở trên, nhất là ý kiến về dự kiến nguồn lực thực hiện để Sở Tài chính có căn cứ thống nhất về nguồn kinh phí đảm bảo thi hành chính sách.

- **Đoạn cuối của nghị quyết** (liên quan đến hiệu lực thi hành):

Tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *“Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành”*. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo **có thể** chỉnh sửa như sau:

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực từ ngày ký./.”

* Tóm lại, để Nghị quyết đủ điều kiện trình UBND tỉnh, cơ quan soạn thảo cần phải chỉnh sửa, bổ sung theo các ý kiến thẩm định trên đây và đặc biệt phải có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính về nguồn lực thực hiện.

Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như trên, chuyển Ban Dân tộc nghiên cứu, thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi lĩnh vực quản lý./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc;
- Sở Lao động, TB và Xã hội;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn;
- Các Phó Giám đốc Sở (để biết);
- Lưu: VT, VBQPPL & TDTHPL (TVD).

GIÁM ĐỐC



Lý Nguyễn Nguyên Vũ

PHỤ LỤC

Giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

(Kèm theo Công văn số 1086/BDT-NV ngày 30/10/2023 của Ban Dân tộc)

TT	Ý kiến thẩm định	Giải trình của Ban Dân tộc	Ghi chú
1	Đề nghị cơ quan soạn thảo chú ý, quan tâm các nội dung tham gia, góp ý của Sở Tài chính về: nội dung và mức chi, nguồn lực thực hiện mà Sở Tài chính tham gia, góp ý đối với dự thảo lần 3 (tại văn bản số 4306/STC-TCHCSN ngày 27/9/2023) để dự thảo quy định đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ, nhất là quy định được triển khai đảm bảo tính khả thi.	Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung	
2	Đề nghị cơ quan soạn thảo chú ý thực hiện đúng quy định các nội dung liên quan đến thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản	Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung	
3	Điều 1: Đề xây dựng nội dung Điều 1, ngoài việc căn cứ vào tên gọi của nghị quyết; cơ quan soạn thảo có thể trình bày cụ thể, rõ ràng hơn như sau: “ <i>Nghị quyết này quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, bao gồm:</i> - <i>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.</i> - <i>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025.</i> - <i>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025.</i> ”.	Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung	
4	Điều 2: Đề nghị chỉnh sửa tên gọi và nội dung như sau: “ <i>Điều 2. Đối tượng áp dụng Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong việc thực hiện định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</i> ”.	Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung	
5	Điều 3: - Tên gọi: bỏ cụm từ “ <i>phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước</i> ”, vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; theo đó, có thể chỉnh sửa thành: “ <i>Điều 3. Mức hỗ trợ chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia</i> ”.	Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung	

<p>- Về nội dung: Cơ quan soạn thảo đã không quy định cụ thể mức hỗ trợ chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ (gọi chung là dự án) mà viện dẫn đến khoản 5 Điều 21, khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, khoản 12, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Trong khi đó, theo nội dung khoản 12, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, Chính phủ giao HĐND cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ tối đa chi phí thực hiện một dự án. Như vậy, cơ quan soạn thảo chưa tham mưu thực hiện triệt để nhiệm vụ của HĐND tỉnh được Chính phủ giao, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể nội dung này.</p>		
<p>Điều 4:</p> <p>- Tên gọi: Theo phạm vi điều chỉnh của nghị quyết, nghị quyết không quy định nội dung hỗ trợ mà chỉ được quy định định mức hỗ trợ (mức hỗ trợ) nên tên gọi của điều chưa phù hợp, đề nghị chỉnh sửa lại.</p>	<p>Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung</p>	
<p>- Khoản 1: Quy cơ quan chủ ý không chỉnh sửa, bổ sung làm sai lệch các nội dung hỗ trợ thực hiện dự án đã được quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, nội dung hỗ trợ đã được quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 4 Quy định kèm theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.</p>	<p>Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung</p>	
<p>6</p> <p>- Điểm a, d của Khoản 1: Tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP Chính phủ giao HĐND tỉnh cụ thể hóa các mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8, điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, nhiệm vụ này đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp UBND tỉnh xây dựng nghị quyết để quy định chi tiết (Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2023 - 2025). Hiện nay, nghị quyết này đang xin chủ trương của Thường trực HĐND tỉnh đừng xây dựng và giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tích hợp nội dung quy định chi tiết các điều khoản nói trên vào dự thảo nghị quyết. Như vậy, quy định mức hỗ trợ dẫn chiếu đến khoản 1 Điều 7 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP tại điểm a dự thảo, dẫn chiếu đến điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP tại điểm d dự thảo là những quy định chưa cụ thể, vì chưa thực hiện triệt để nhiệm vụ được giao Chính phủ giao quy định chi tiết cũng như chưa tích hợp nội dung quy định chi tiết về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp mà trước đây Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xây dựng lại các nội dung này.</p>	<p>Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung</p>	

7	<p>- Điểm c của Khoản 1: + Dự thảo quy định mức hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất dẫn chiếu đến điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC; điểm này tiếp tục dẫn chiếu đến các Thông tư của Bộ Tài chính (Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC, khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BTC). Đây không phải là những nội dung cụ thể do HĐND tỉnh quy định mà là quy định của Bộ Tài chính. Do đó, đề nghị: Đối với nội dung hỗ trợ được thực hiện chỉ hỗ trợ theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành (Thông tư, Nghị quyết của HĐND tỉnh), cơ quan soạn thảo không đưa vào nội dung nghị quyết; đồng thời giải trình rõ việc áp dụng mức chi hỗ trợ tại dự thảo tờ trình của UBND tỉnh. + Bộ quy định về nguồn kinh phí thực hiện, vì không phù hợp với phạm vi quy định của điều.</p> <p>Khoản 2: Tương tự như các nội dung đã có các ý kiến thẩm định ở phần trên. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát chỉnh sửa lại cho phù hợp. Vì đây là Nghị quyết quy định về chế độ hỗ trợ; do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ sung một điều quy định về nguồn kinh phí thực hiện nghị quyết, cụ thể là: “Điều ... Nguồn kinh phí thực hiện”</p> <p>Liên quan đến hiệu lực thi hành: Tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo có thể chỉnh sửa như sau: “<i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khoá VII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực từ ngày ký./.</i>”</p>	<p>Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung</p>
		<p>Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung</p>
		<p>Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung</p>

